

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 537/2020/DS-PT

Ngày: 18/6/2020

V/v Tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Như Hà

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Mỹ Nhung

Bà Phạm Thị Thảo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** bà Hoàng Anh Nga - Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2020, ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 593/2019/TLPT-DS ngày 5 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp thừa kế”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 637/2019/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2565/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2020 và Quyết định tạm dừng phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H; sinh năm 1966; HKTT: 7/58 TN, Phường M, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 603/2 LĐT, Phường S, Quận G.

Người đại diện hợp pháp: ông Huỳnh Nhật T, sinh năm 1990; địa chỉ: A105 LTR, phường TA, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị A, sinh năm 1966; địa chỉ: 115/10A khu phố 1, phường TX, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Văn S, sinh năm 1967 (Có mặt)

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Cao Văn S, sinh năm 1967; địa chỉ: 115/10A khu phố 1, phường TX, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Tạm trú: ấp 1, xã BL, huyện XM, tỉnh B

2/ Bà Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm 1973;

Tạm trú: 115/10A khu phố 1, phường TX, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

3/ Bà Chu Thị C, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

4/ Ông Võ Văn T, sinh 1992 (Vắng mặt)

Tạm trú: 115/10A khu phố 1, phường TX, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Bà Nguyễn Ngọc Gia H, sinh 2001 (Vắng mặt)

6/ Bà Nguyễn Thị H, sinh 1992 (Vắng mặt)

7/ Bà Trương Thị Ngọc T, sinh 1994 (Vắng mặt)

8/ Ông Đặng Thanh T, sinh 1992 (Vắng mặt)

9/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

10/ Ông Cao Minh S, sinh 1995 (Vắng mặt)

11/ Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh 1959 (có mặt)

Tạm trú: 115/10A TNV, phường TX, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị A và ông Cao Văn S: Ông Phạm Văn K, theo Quyết định số 40/QĐ-TGPL ngày 20/2/2020 của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn - ông Trần Văn H trình bày:*

Mẹ ông là bà Cao Thị Ng đã mất có 03 người con gồm ông H, bà A và ông S. Năm 2008 sau khi bà Ng bán căn nhà ở G bà đã cho các con mỗi người số tiền 150.000.0000 đồng, bà A cũng đã nhận đủ số tiền nhưng không có chứng từ. Số tiền còn lại bà Ng mua một căn nhà địa chỉ 115/10A TNV, phường TX, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà này đã được Ủy ban nhân dân Quận K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số 11036 ngày 04/11/2004 và được cập nhật sang tên bà Ng theo xác nhận số 1349/TX ngày 12/6/2008. Căn nhà này là tài sản riêng của bà Ng.

Lúc đầu bà Ng dự định để căn nhà này cho bà A, vì bà A độc thân và sống với bà Ng, tuy nhiên sau khi nghe cán bộ Tư pháp Phường giải thích nên bà Ng đã chia tiền cho bà A và không còn ý định để lại căn nhà này cho bà A nữa, và thực tế trước khi qua đời bà Ng cũng không để lại di chúc về việc phân chia di sản thừa kế lúc bà qua đời.

Năm 2017 bà Ng qua đời vì tai nạn giao thông, hiện nay bà A là người quản lý sử dụng và cho thuê hai căn phòng trọ. Mẹ ông mới qua đời nhưng bà A và ông S đã bàn bạc với nhau về việc xây nhà nhưng không hề hỏi ý kiến của ông. Số tiền bồi thường lúc bà Ng bị tai nạn 90.000.000 đồng thì bà A và ông S tự ý chia không hỏi ý kiến ông, việc ma chay vợ chồng ông tự tay lo liệu.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế là căn nhà địa chỉ 115/10A TNV, phường TX, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu được nhận số tiền đã được bồi thường chia làm 03 phần, ông nhận 01 phần tương ứng 30.000.000 đồng.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn – bà Trần Thị A trình bày:*

Trước khi mua căn nhà địa chỉ 115/10A TNV, phường TX, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh, bà Ng có bán một căn nhà ở G, đã chia cho các con H và S mỗi người số tiền 150.000.000 đồng. Ông H và ông S đã cam kết nhận số tiền đó thì sau này không được tranh chấp tài sản. Sau đó gia đình bao gồm bà Ng, ông S, ông H có họp gia đình và lập biên bản với nội dung là phần bà A chưa được nhận, bà A ở cùng bà Ng, sau này bà Ng chết thì không ai được tranh chấp căn nhà này và căn nhà này sẽ được sử dụng làm nhà thờ tổ.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế bà không đồng ý.

Số tiền 90.000.000 đồng là số tiền mà người gây tai nạn bồi thường, bà A đã bỏ 30.000.000 đồng vô chùa gửi cúng cho bà Ng hằng tuần. Số tiền còn lại hiện nay ông S đang giữ để còn cúng cho mẹ bà.

*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn S trình bày:*

Ông S thống nhất ý kiến trình bày của bà A và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn nhà địa chỉ 115/10A TNV, phường TX, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh là nhà thờ tổ, hơn nữa hiện nay bà A không có nơi nào để ở.

Đối với số tiền 90.000.000 đồng là số tiền mà người gây tai nạn bồi thường, bà A đã bỏ 30.000.000 đồng vô chùa gửi cúng cho bà Ng hằng tuần. Số tiền còn lại hiện nay ông S đang giữ để còn cúng cho mẹ bà. Nếu ông H muốn chia, ông đồng ý chia cho ông H số tiền 20.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 637/2019/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận K đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định di sản thừa kế của bà Cao Thị Ng khi chết để lại là phần nhà đất có diện tích đất là 48,4m<sup>2</sup> và diện tích xây dựng là 47,2 m<sup>2</sup>, sàn xây dựng là 58,4 m<sup>2</sup> có số thứ tự 2,3,4,5,6,7 theo tờ bản đồ hiện trạng vị trí - áp ranh số hợp đồng 48209 /TTBĐĐĐ\_VPQ12 ngày 25/01/2019 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Nhằm thửa 308 tờ bản đồ thứ 14, Bộ địa chính xã Thạnh Lộc, huyện Hóc Môn. Nhằm thửa 66, tờ bản đồ số 72, Bộ địa chính phường TX, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (theo tài liệu 2005). Địa chỉ nhà đất tại 115/10A, KP1, phường TX, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh, Nhà đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 11036 do Ủy ban nhân dân Quận K cấp cho ông Đào Tuấn T và bà Trần Hồng Thanh T ngày 04/11/2004, đã đăng ký thay đổi chủ sử dụng số 1349/TX ngày 12/6/2008 cho bà Cao Thị Ng. Giá trị di sản của bà Ng để lại là giá trị nhà đất sau khi khấu trừ đi số tiền 150.000.000 đồng cho bà Trần Thị A.

Vì ông H muốn nhận kỷ phần của mình bằng tiền, nên nếu bà Trần Thị A muốn giữ lại căn nhà để sử dụng thì bà A phải có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền còn lại của di sản sau khi đã trừ đi số tiền 150.000.000 đồng tại thời điểm hiện tại (thời điểm chia) cho ông Trần Văn H được hưởng 1/3 giá trị di sản.

Trường hợp bà A không có khả năng chi trả tiền cho ông H thì ông H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi di sản thừa kế, giá trị tài sản này sẽ được khấu trừ chi trả cho bà A số tiền 150.000.000 đồng. Sau đó còn bao

nhieu sẽ được chia làm 03 phần bằng nhau cho các ông bà Trần Văn H, Trần Thị A, Cao Văn S. Mỗi người sẽ được hưởng 1/3 giá trị của di sản.

Về phần công tôn tạo, gìn giữ di sản thừa kế của bà Trần Thị A hàng tháng bà A đã thu lợi nhuận từ việc cho thuê hai phòng trọ của căn nhà số 115/10A, KP1, phường TX, Quận K, thành phố Hồ Chí Minh nên số tiền này được tính vào tiền công gìn giữ tôn tạo di sản cho bà A.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) mà người gây tai nạn cho bà Cao Thị Ng bồi thường do các bên đã thỏa thuận với nhau xong và nguyên đơn có đơn rút yêu cầu phần này.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/9/2019 bị đơn là bà A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Cao Vinh S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm vì biên bản họp gia đình và bản cam kết không phải là di chúc. Sau khi họp gia đình bà Ng bán đi một phần diện tích như vậy thể hiện bà Ng đã thay đổi ý chí, nên phần diện tích nhà còn lại là di sản thừa kế của bà Ng cần phải chia.

Đối với các chi phí định giá, đo vẽ nguyên đơn tự nguyện nộp.

Bị đơn trình bày: khi mẹ ông bán căn nhà ở Quận G được 750.000.000đ đã chia đầy đủ cho các con; sau đó bà Ng và bà A mua nhà ở Quận K, giá mua lúc đó là 270.000.000đ (mua tháng 5/2008); căn cứ vào giấy cam kết, biên bản họp gia đình thì tài sản do bà Ng và bà A mua sau này là để dành làm nhà thờ do bà A quản lý và không được chia nữa; sau khi mua thì bà A có sửa chữa nhỏ, bà A không có yêu cầu xem xét tiền sửa chữa, và hiện có ngăn thêm hai phòng để cho thuê nhà trọ. Bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông S trình bày: ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ai cũng đã được chia phần xong; phần tiền còn lại của bà Ng đã cùng bà A mua căn nhà ở Quận K và ông H không được quyền đòi chia nữa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: luật sư Phạm Văn K đề nghị sửa án sơ thẩm vì phần diện tích nhà còn lại của căn nhà 115/10A khu phố 1, phường TX, Quận K không phải là di sản thừa kế. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát đề nghị:

Xét biên bản họp gia đình; bản cam kết ngày 3/6/2008 đã thể hiện rõ ý chí của bà Ng là giao căn nhà tại Quận K cho bà A; không còn là di sản thừa kế. Do đó đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với phần diện tích còn lại của căn nhà 115/10A khu phố 1, phường TX, Quận K.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với chi phí định giá án sơ thẩm không xem xét tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn tự nguyện chịu nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung bản án, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản thừa kế.

Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Căn nhà 115/10A khu phố 1, phường TX, Quận K đã được đăng ký thay đổi chủ sở hữu cho bà Cao Thị Ng ngày 12/6/2008. Do bà Ng đã bán giấy tay một phần diện tích căn nhà cho người khác và hiện nay bà Huỳnh Thị Trúc L là người mua sau cùng đang trực tiếp quản lý sử dụng; Đồng thời diện tích căn nhà cũng đã được xây để cho thuê phòng trọ nên cấp sơ thẩm đưa bà L và những người thực tế ở trong căn nhà này vào tham gia tố tụng là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện căn nhà 7/58 TN, Phường M, Quận G khi bán đã được chia đều cho các con, mỗi người nhận là 150.000.000đ và sau đó bà Ng mua căn nhà ở Quận K của ông Đào Tuấn T và bà Trần Hồng Thanh T (theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được Phòng Công chứng số 5 chứng nhận số 16134; quyền số 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/5/2008). Đến ngày 3/6/2008 bà Ng cùng các con có lập và ký vào biên bản họp gia đình thể hiện nội dung: "... riêng phần của cô Trần Thị A thì chưa nhận và cô còn ở chung với mẹ là bà Ng. Đến khi mẹ chết thì cô Hằng trọn quyền thừa hưởng căn nhà còn lại. Hai con H và S vì đã nhận chia rồi... gia đình chúng tôi đồng ý thực hiện cam kết này với phần phân chia tài sản với mẹ như đã thống nhất ở trên".

Ngoài ra ông H, ông S còn ký riêng tờ cam kết ngày 3/6/2008 thể hiện đã nhận đủ số tiền 150.000.000đ và cam kết không tranh chấp gì thêm về phần còn lại của mẹ nữa. Sau khi phân chia xong bà Ng bán một phần diện tích căn nhà trên bằng giấy tay. Ngày 20/10/2017 bà Ng chết không để lại di chúc. Như vậy biên bản họp gia đình, biên bản cam kết ngày 3/6/2008 đã thể hiện rất rõ ý chí của bà Ng sau khi chia phần tiền từ việc bán tài sản thừa kế của vợ chồng bà Ng cho các con, để tránh phần tranh chấp sau này của ông H, ông S bà Ng đã định đoạt luôn phần tài sản của mình cho bà A được quản lý, trực tiếp sử dụng và làm nhà ở, nên phần diện tích còn lại của căn nhà 115/10A khu phố 1, phường TX, Quận K không phải là di sản của bà Ng để lại cho các con. Nên yêu cầu kháng cáo của bà A và ông S là có cơ sở.

Cấp sơ thẩm xác định phần diện tích còn lại của căn nhà 115/10A khu phố 1, phường TX, Quận K là di sản thừa kế của bà Ng để phân chia thừa kế theo yêu cầu của ông H là chưa chính xác.

Bản án sơ thẩm chưa xác định chi phí đo vẽ, thẩm định nhưng tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa án sơ thẩm.

Về án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được chấp nhận nên không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, Điều 272, Điều 273, Khoản 2 Điều 296 và Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 623, Điều 624, Điều 648 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, bà Trần Thị A và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Cao Văn S.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 637/2019/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận K.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H được chia thừa kế đối với phần đất có diện tích là 48,4 m<sup>2</sup> tại số 115/10A Khu phố 1, phường TX, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) mà người gây tai nạn cho bà Cao Thị Ng bồi thường do các bên đã thỏa thuận với nhau xong và nguyên đơn có đơn rút yêu cầu phân này.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.685.983đ (mười bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi ba đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 8.250.000đ (tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0035485 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K. Ông H nộp thêm 6.435.983đ (sáu triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi ba đồng).

- Bà Trần Thị A và ông Cao Văn S không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị A, ông Cao Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai 0008230 ngày 7/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận K.

Hoàn lại cho ông S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai 0008231 ngày 7/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận K.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án**

#### ***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận K;
- Tòa án nhân dân Quận K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Như Hà**